

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**

**QUẬN H  
TP. ĐÀ NẴNG**

--- \*\* ---

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

----- \*\* -----

*Bản án số: 80/2017/HNGĐ-ST*

*Ngày 22.12. 2017*

*V/v “ Ly hôn ”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H, TP. ĐÀ NẴNG**

**THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM GỒM CÓ:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ánh Nguyệt**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Xoa**

Ông **Lê Truyền Bình.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoàng Hiếu** – Thư ký Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa : Bà **Nguyễn Thị Ly Na** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H - 24 Hoàng Văn T, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 255/2017/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2017 về việc “ Ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2017/QĐXX - ST ngày 20 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2017/QĐST – HNGĐ ngày 06/12/2017 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn : Ông **Lê T** - Sinh năm 1957 - Trú tại: 86/6D Đ Đa, phường T, quận H, thành phố Đ, có mặt.

\* Bị đơn : Bà **Phan Thị N** - Sinh năm 1957 – Nơi cư trú cuối cùng trước khi mất tích : 86/6D ĐĐ, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng ( Đã mất tích theo Quyết định yêu cầu tuyên bố mất tích số 17/2017/QĐST-DS ngày 20.9.2017 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đ ), vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 16.10.2017, bản khai ngày 20.11.2017 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn - Ông Lê T trình bày :

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê T và bà Phan Thị N kết hôn vào năm 1980 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A. H. T, thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng (cũ). Hôn nhân của ông bà là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà số 86/6D Đ, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Chung sống thời gian đầu thì hạnh phúc, nhưng thời gian về sau thì mâu thuẫn phát sinh trầm trọng, nguyên nhân là do bất đồng về tính tình và quan điểm sống, bà Nhung sống thiếu trách nhiệm, không quan tâm tới gia đình, từ đó thường xuyên gây gổ, thiếu tôn trọng và xúc phạm lẫn nhau. Ông bà sống chung nhưng thật sự mệt mỏi, không tin tưởng lẫn nhau. Đến tháng 12 năm 2005 thì bà Nhung lấy lý do đi du lịch rồi tự ý bỏ đi mà không có tin tức gì. Ông Thành và gia đình đã cố gắng tìm kiếm nhiều nơi nhưng vẫn không có tin tức xác thực về việc bà Nhung còn sống hay đã chết. Vì vậy đến tháng 4.2017, ông T đã gửi đơn đến Tòa án quận H, thành phố Đà Nẵng yêu cầu tuyên bố bà Nguyễn Thị N đã mất tích và đề nghị Tòa án ra thông báo tìm kiếm bà N trên các phương tiện thông tin đại chúng trong ba số liên tiếp theo quy định của pháp luật và đã được Tòa án nhân dân quận H ra Quyết định yêu cầu tuyên bố mất tích số 17/2017/QĐST-DS ngày 20.9.2017 về việc tuyên bố bà Phan Thị N đã mất tích kể từ năm 2005. Nay thời gian đã quá lâu, tình cảm không còn, hôn nhân của ông bà không còn tồn tại trên thực tế đó hơn 12 năm nay nên ông Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phan Thị N để ổn định cuộc sống.

- Về quan hệ con chung : Ông Lê T xác định ông và bà Phan Thị N có 03 con chung tên Lê Phan V. T – Sinh ngày 17.11.1982, Lê Phan Việt T – Sinh ngày 10.7.1981 và Lê Anh T – Sinh ngày 13.7.1990.

Do các con chung đó trên 18 và có cuộc sống riêng rành rọt các cháu tự quyết định, ông Thành không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lê T xác định ông và bà Phan Thị N không có tài sản chung, vợ chồng không nợ gì ai và không ai nợ gì của vợ chồng.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng đã tiến hành niêm yết công khai các thông báo và giấy triệu tập, văn bản tố tụng cho bị đơn là bà Phan Thị N theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà N đều vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Đại diện Viện kiểm sát cho rằng về thẩm quyền giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và tại phiên tòa hôm nay, HĐXX thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, Viện kiểm sát xét thấy mâu thuẫn giữa ông Lê T và bà Phan Thị N đó quá trầm

trọng, hôn nhân thực tế không có, đời sống chung không thể kéo dài, không thể hàn gắn tiếp tục chung sống nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Phan Thị N để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bà N vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà Phan Thị N theo quy định tại khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là ông Lờ T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Phan Thị N.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Lờ T đối với bà Phan Thị N, HĐXX nhận thấy: Ông Lê T và bà Phan Thị N kết hôn vào năm 1980, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng (cũ), hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Do vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật Nhà nước công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống giữa ông bà đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo ông T là do bất đồng về tính tình và quan điểm sống, bà N không quan tâm đến gia đình, thiếu trách nhiệm và không làm tốt vai trò của một người vợ, người mẹ, vợ chồng chung sống không tin tưởng lẫn nhau nên thường xuyên gây gổ, xúc phạm nhau.

Xét thấy, vợ chồng chung sống với nhau phải có sự yêu thương, quý trọng, chăm sóc, chia sẻ, tin tưởng và giúp đỡ nhau trong cuộc sống để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng hôn nhân của ông T và bà N đã không có được sự gắn kết, tin tưởng và thông cảm cho nhau, đến tháng 12.2005 bà N đã bỏ nhà đi biệt tích, không có liên lạc gì với gia đình, mặc dù ông T đã tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng vẫn không có tin tức gì của bà N. Quá trình xác minh tại địa phương đã thể hiện ông T và bà N có mâu thuẫn với nhau nên bà N đã bỏ đi, không có tin tức gì. Vì vậy, ông T đã gửi đơn đến Tòa án quận H yêu cầu Tuyên bố bà Phan Thị N đã mất tích và đã được Tòa án nhân dân quận H ra Quyết định yêu cầu tuyên bố mất tích số 17/2017/QĐST-DS ngày 20.9.2017 tuyên bố bà Phan Thị N đã mất tích kể từ năm 2005. Xét thấy mục đích hôn nhân của ông Lê T và bà Phan Thị N không đạt được, hôn nhân giữa ông bà không còn tồn tại trên thực tế đó hơn 12 năm nay nên HĐXX cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lê T.

- Về quan hệ con chung : Ông Lê T xác định ông và bà Phan Thị N có 03 con chung tên Lê Phan V. T – Sinh ngày 17.11.1982, Lê Phan V. T – Sinh ngày 10.7.1981 và Lê Anh T – Sinh ngày 13.7.1990.

Do các con chung đó trên 18 và có cuộc sống riêng nên các cháu tự quyết định, ông T không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lê T xác định ông và bà Phan Thị N không có tài sản chung, vợ chồng không nợ gì ai và không ai nợ gì của vợ chồng vì vậy Tòa án không đề cập giải quyết.

Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ ông Lê T phải chịu.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Áp dụng khoản 2 Điều 227, điều 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 điều 68 Bộ luật dân sự.

Áp dụng các điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. - Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “ Ly hôn” của ông Lê T đối với bà Phan Thị N.

Xử: cho ông Lê T được ly hôn với bà Phan Thị N.

3. Án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông Lê T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ ông T đã nộp theo biên lai thu số 9838 ngày 19/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng. ông Lê T đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Toà án niêm yết bản sao bản án hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận :

- Những người tham gia tố tụng.
- VKSND quận Hải Châu.
- Lưu hồ sơ.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Ánh Nguyệt**